

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU
BÌNH DƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-21

Sao y bản chính

Ngày 06 tháng 03 năm 2015

GIÁM ĐỐC



TRẦN QUYẾT THẮNG

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương tiền thân là Nông Trường Cây Trường; là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 82/QĐ – UB ngày 15 tháng 10 năm 1992 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Sông Bé. Nông Trường hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 103721 ngày 18 tháng 12 năm 1992 do Trọng Tài Kinh Tế tỉnh Sông Bé cấp.

Trong quá trình hoạt động, Nông Trường đã được cấp bổ sung Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh lần thứ nhất ngày 09 tháng 06 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chuẩn y việc bổ sung ngành nghề “dịch vụ vận chuyển hàng hóa”.

Ngày 08 tháng 06 năm 2010 Nông trường đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Nông trường Cây Trường thành Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương do Sở kế hạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp với mức vốn điều lệ đăng ký là 8.848.045.430 VND

- **Vốn điều lệ : 8.848.045.430 VND**
- **Trụ sở hoạt động:**
 - Địa chỉ : Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
 - Điện thoại : (0650) 3586038
 - Fax : (0650) 3586082
 - Mã số thuế : 3 7 0 0 2 4 8 7 3 1
- Hoạt động chính của Công ty: Trồng mía và các cây công nghiệp, dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

Ban Quản lý, điều hành

Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Duy Viên	Giám đốc
Bà Phạm Thị Giới	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Khương	Phó Giám đốc
Ông Trần Quyết Thắng	Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 20).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Xác nhận của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

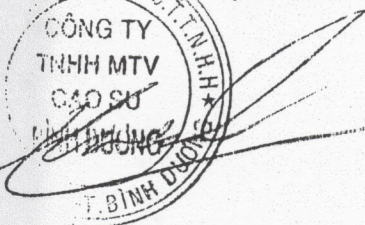
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



VŨ DUY VIÊN - Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, ngày 15 tháng 04 năm 2012

Số: 0301/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC****CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 16 tháng 04 năm 2012, từ trang 06 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

- Chúng tôi không thể tham gia kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định và hàng tồn kho vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Với những tài liệu hiện có của Công ty chúng tôi cũng không có cơ sở chắc chắn để xác định số lượng, tình trạng tài sản cố định và hàng tồn kho tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác;
- Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận công nợ của các khoản sau:

- Khoản phải thu khách hàng (Xem thuyết minh số VI.2)	2.485.888.655 VND
- Khoản trả trước người bán (Xem thuyết minh số VI.3)	3.083.134.390 VND
- Khoản phải thu khác (Xem thuyết minh số VI.4)	3.644.574.635 VND
- Khoản tạm ứng (Xem thuyết minh số VI.7)	544.192.901 VND
- Khoản vay ngắn hạn (Xem thuyết minh số VI.10)	6.684.500.000 VND
- Khoản phải trả người bán (Xem thuyết minh số VI.11)	1.102.172.231 VND
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (Xem thuyết minh số VI.15)	247.798.686 VND
- Khoản vay dài hạn (Xem thuyết minh số VI.16)	1.973.500.000 VND

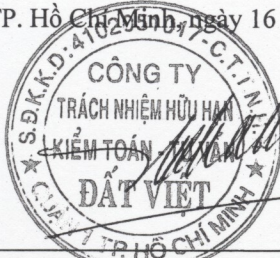
BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo.)

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những hạn chế nêu trên (nếu có) và ngoại trừ việc Công ty chưa trích lập dự phòng khoản công nợ tồn đọng quá hạn trên 3 năm hiện đang theo dõi trên tài khoản phải thu khác với tổng số tiền 512.626.384 VND (*Xem thuyết minh số VI.4*) ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính, các chỉ tiêu còn lại trên Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên Chúng tôi chỉ lưu ý với người đọc báo cáo này rằng vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 29.853.480.755 VND Công ty chưa có quyết định của đơn vị chủ quản và điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2012



VÕ THỊ THU HƯƠNG – Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0787/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trồng, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.339.264.656	11.713.944.290
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.088.417.953	2.564.046.014
Tiền	111	VI.1	6.088.417.953	2.564.046.014
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		14.715.531.843	7.970.985.229
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.2	2.485.888.655	4.956.251.206
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	8.484.091.969	550.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	3.745.551.219	2.464.734.023
IV. Hàng tồn kho	140		355.353.261	425.214.758
Hàng tồn kho	141	VI.5	355.353.261	425.214.758
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.179.961.599	753.698.289
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	193.105.000	22.536.291
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		439.643.770	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		3.019.928	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	544.192.901	731.161.998
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.192.012.278	26.851.198.941
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		35.192.012.278	26.851.198.941
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	23.211.209.636	15.306.656.202
Nguyên giá	222		29.759.589.099	20.278.360.794
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.548.379.463)	(4.971.704.592)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.9	11.980.802.642	11.544.542.739
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		57.531.276.934	38.565.143.231

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trồng, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		12.784.669.679	13.515.298.989
I. Nợ ngắn hạn	310		19.514.325.819	11.308.959.334
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.10	6.684.500.000	5.718.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	VI.11	937.787.360	815.765.906
3. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.12	1.027.324.389	3.048.341.903
4. Phải trả công nhân viên	315		1.103.982.254	665.453.735
5. Chi phí phải trả	316	VI.13	15.000.000	30.000.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.14	265.099.204	537.054.204
7. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		430.632.612	494.343.586
II. Nợ dài hạn	330		2.270.343.860	2.206.339.655
1. Vay và nợ dài hạn	334	VI.15	1.973.500.000	1.973.500.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		296.843.860	232.839.655
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		44.119.596.000	25.049.844.242
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.16	44.119.516.000	25.049.844.242
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.576.052.734	18.760.117.340
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.663.298.450 (449)	4.403.114.587
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.880.234.817	1.381.612.315
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	VI.17	-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	450		56.904.265.679	38.565.143.231

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU

Thuyết minh

Số cuối năm

Số đầu năm

Ngọc Mỹ (USD)

THÀNH LẬP 09/02/1973 - CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG - TỈNH BÌNH DƯƠNG



(Handwritten signature)

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

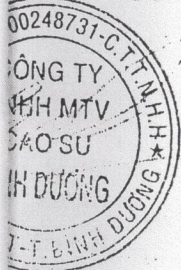
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		56.699.027.327	26.481.314.666
II. Các khoản giảm trừ	03		-	-
III. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	56.899.027.327	26.481.314.666
IV. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	18.836.877.530	8.705.154.813
V. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.062.149.797	17.776.159.853
VI. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	21.995.214	4.122.000
Chi phí tài chính	22	VII.4	1.422.279.268	918.289.686
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.422.279.268	918.289.686
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.5	7.599.292.184	2.594.861.697
VII. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.962.583.559	14.167.130.470
Thu nhập khác	31	VII.6	1.982.444.715	1.500.000
Chi phí khác	32	VII.7	202.582.154	-
Lợi nhuận khác	40		879.862.561	1.500.000
Tổng lợi nhuận trước thuế	50		29.942.446.120	14.168.630.470
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5.372.494.105	3.542.157.617
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế	60		<u>24.569.952.015</u>	<u>10.626.472.853</u>

at Bình Dương, ngày 16 tháng 04 năm 2012



[Handwritten signature]

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG
 Xã Cây Tràng, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>				
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>	01		29.942.446.120	14.168.630.470
- Khấu hao tài sản cố định			3.509.347.147	2.253.300.950
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	02		1.906.480.941	1.341.606.721
- Chi phí lãi vay	05		180.586.938	(6.595.457)
	06		1.422.279.268	918.289.686
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		33.451.793.267	16.421.931.420
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.373.229.960)	(4.914.217.322)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		69.861.497	(237.261.010)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(7.521.111.613)	(4.563.083.229)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(170.568.709)	(22.536.291)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.422.279.268)	(918.289.686)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.405.677.665)	(1.713.923.039)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(911.522.551)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		8.557.261.998	4.952.622.043
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.151.338.273)	(564.616.750)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.473.457
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.995.214	4.122.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(7.109.393.059)	(538.021.293)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	5.000.000.000
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		11.534.500.000	6.108.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.568.000.000)	(12.173.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		966.500.000	(1.065.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.524.371.939	2.429.599.550
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.564.046.014	134.446.464
Tiền và tương đương tiền cuối năm	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.1	3.524.371.939	2.429.599.550



(Handwritten signature)

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG
Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương (sau đây gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH MTV 100% vốn NN.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Trồng trọt
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Trồng cây công nghiệp.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 năm tài chính thứ 2 của Công ty kể từ khi chuyển thành Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên;

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

4. Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Những chi phí mua sắm và chăm sóc cây lâu năm được tính vào giá trị tài sản cố định và được đưa vào khai thác sau 07 năm. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	40
Máy móc thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	10
Cây lâu năm	20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trồng, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản:

Các khoản chi phí trồng cao su từ năm 2003 đến năm 2009, chi phí xây dựng nhà máy chế biến cao su, nhà làm việc, bếp ăn, nhà để xe chờ kết chuyển thành tài sản.

7. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN hàng năm bằng 25% thu nhập chịu thuế. Năm 2011, Công ty được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Thông tư 154/2011/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2011 về việc ban hành một số giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản trích trước tiền lương nghỉ phép.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Đối với diện tích cao su khoán cho các hộ nhận khoán, doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng khoán. Đối với cao su Công ty tự khai thác thì doanh thu được ghi nhận khi bán mủ cho các đại lý thu mua, đồng thời phát hành hóa đơn giá trị gia tăng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

12. Nguồn vốn, quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và nguồn vốn bổ sung hàng năm theo Quyết định của Chi cục tài chính doanh nghiệp tỉnh Bình Dương.

Công ty trích lập quỹ theo thông tư 138/2010/TT-BTC ban hành ngày 17 tháng 09 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc Hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
(a) Tiền mặt	5.253.835.660	2.229.331.768
- Tiền mặt VND	5.253.835.660	2.229.331.768
(b) Tiền gửi ngân hàng	834.582.293	334.714.246
Ngân hàng NN & PT Nông Thôn Việt Nam	70.989.979	334.714.246
VND	70.989.979	334.714.246
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	753.134.307	-
VND	753.134.307	-
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam	10.458.007	-
VND	10.458.007	-
Tổng cộng	6.088.417.953	2.564.046.014

2. Phải thu của khách hàng

Công ty TNHH MARDEC SAIGON	2.485.888.655	4.956.251.206
Cộng	2.485.888.655	4.956.251.206

3. Trả trước người bán

Công ty TNHH XD Điện Hiếu Hoàng	-	300.000.000
Công ty điện Tài An	-	50.000.000
Công ty Cơ khí Cao su	3.550.957.579	-
Công ty TNHH Tư Vấn & Thiết Kế Hà Phi (*)	144.769.870	-
Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Liên An	400.000.000	200.000.000
Ông Ngô Xuân Phú (*)	43.852.520	-
Ông Trần Tấn Phước Thịnh (*)	2.798.366.000	-
Tài nguyên môi trường	1.450.000.000	-
Ông Phạm Xuân Việt (*)	96.146.000	-
Cộng	8.484.091.969	550.000.000

Ghi chú: (*) Số tiền chưa nhận được thư xác nhận : 3.083.134.390 VND

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm thất nghiệp	-	13.691.788
Bảo hiểm xã hội	325.973	4.572.671
Công nhân nghỉ việc (*)	173.551.200	173.551.200
Trần Như Lánh (*)	58.225.314	58.225.314
Nguyễn Minh Tuấn (*)	35.000.000	35.000.000
Vũ Duy Viên (*)	78.785.086	78.785.086
Tạ Thị Vui	204.036.595	284.361.131
Phải thu hộ giao khoán công đoạn	776.289.334	1.207.226.462
Võ Thị Lê (*)	7.524.000	7.524.000
Tăng Bá Quang (*)	19.250.000	19.250.000
Công ty Đường Bình Dương (*)	14.882.025	14.882.025
Nguyễn Văn Dụ (*)	29.874.000	29.874.000
Tiền bảo vệ về việc cho hộ nông dân thuê đất (căn cứ nghị định 135)	1.061.151.615	-
Phải thu 10% quỹ đầu tư phát triển và 5% của hộ nhận khoán (căn cứ theo nghị định 135/NĐ-CP ngày 8 tháng 11 năm 2005 của Chính Phủ)	121.338.315	-
Chênh lệch giữa khoản thu và chi phí trồng cao su	104.882.149	104.882.149
Tiền thuê đất 01	799.135.832	269.640.500
Phải thu khác (*)	261.299.781	163.267.697
Cộng (**)	<u>3.745.551.219</u>	<u>2.464.734.023</u>

Ghi chú: (*) Nợ quá hạn thanh toán phát sinh từ những năm trước không có khả năng thu hồi với tổng số tiền là 512.626.384 VND.

(**) Số tiền chưa nhận được thu xác nhận: 3.644.574.635 VND

5. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	201.702.120	408.579.038
Công cụ dụng cụ	153.651.141	16.635.720
Cộng	<u>355.353.261</u>	<u>425.214.758</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Phân bổ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí sửa chữa xe		78.289.004	78.289.004	-
Chi phí công cụ dụng cụ	22.536.291	492.599.333	322.030.624	193.105.000
Cộng	<u>22.536.291</u>	<u>570.888.337</u>	<u>400.319.628</u>	<u>193.105.000</u>

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phan Trường An	-	40.000.000
Phạm Văn Hải	-	10.000.000
Trần Tấn Phước Thịnh	-	200.000.000
Đặng Tiến Nam	48.000.000	48.000.000
Ngô Xuân Phú	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Thanh Quân	192.521.915	105.491.915
Vũ Ngọc Quỳnh	5.000.000	-
Huỳnh Ngọc Thúy	11.382.903	-
Các đối tượng khác	257.288.083	297.670.083
Cộng (*)	<u>544.192.901</u>	<u>731.161.998</u>

Ghi chú: (*) Số dư khoản tạm ứng chưa nhận được thư xác nhận: 544.192.901 VND

8. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá							
1. Số đầu năm	4.144.739.038	-	765.357.100	239.485.500	11.043.231.827	4.085.547.329	20.278.360.794
2. Tăng trong năm	3.371.462.965	223.808.300	-	227.424.000	5.793.734.240	397.187.022	10.013.616.527
3. Giảm trong năm	475.064.922	-	-	35.743.300	-	21.580.000	532.388.222
4. Số cuối năm	<u>7.041.137.081</u>	<u>223.808.300</u>	<u>765.357.100</u>	<u>431.166.200</u>	<u>16.836.966.067</u>	<u>4.461.154.351</u>	<u>29.759.589.099</u>
II. Hao mòn lũy kế							-
1. Số đầu năm	1.053.189.233	-	519.161.857	97.944.554	2.480.360.290	821.048.658	4.971.704.592
2. Tăng trong năm	497.781.684	14.123.982	109.711.944	55.672.396	573.133.110	656.057.825	1.906.480.941
3. Giảm trong năm	272.482.770	-	-	35.743.300	-	21.580.000	329.806.070
4. Số cuối năm	<u>1.278.488.147</u>	<u>14.123.982</u>	<u>628.873.801</u>	<u>117.873.650</u>	<u>3.053.493.400</u>	<u>1.455.526.483</u>	<u>6.548.379.463</u>
III. Giá trị còn lại							
1. Số đầu năm	3.091.549.805	-	246.195.243	141.540.946	8.562.871.537	3.264.498.671	15.306.656.202
2. Số cuối năm	<u>5.762.648.934</u>	<u>209.684.318</u>	<u>136.483.299</u>	<u>313.292.550</u>	<u>13.783.472.667</u>	<u>3.005.627.868</u>	<u>23.211.209.636</u>

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Cao su trồng năm 2003; 2004	4.954.874.067	-	4.954.874.067	-
Cao su trồng năm 2005	2.957.177.140	337.533.820	838.860.173	2.455.850.787
Cao su trồng năm 2006	1.881.810.645	407.763.820	-	2.289.574.465
Cao su trồng năm 2009	491.385.787	225.163.356	-	716.549.143
Nhà máy chế biến mủ	475.220.000	4.596.437.701	-	5.071.657.701
Hội trường nhà khách	605.060.882	1.749.493.083	2.354.553.965	-
Sân bóng chuyền	179.014.218	75.642.804	254.657.022	-
VI-Đường dây hạ thế điện máy lạnh	-	50.284.300	50.284.300	-
VII- Máy Lạnh	-	107.414.000	107.414.000	-
VIII - Đường dây 22kv - TBA*25KVA	-	143.000.000	143.000.000	-
X- Máy phát điện	-	30.524.000	30.524.000	-
XI- Tivi	-	14.850.000	14.850.000	-
XII- Bàn tròn, kệ tivi	-	127.680.000	127.680.000	-
XIII- Công trình xây dựng nhà bảo vệ	-	1.016.909.000	1.016.909.000	-
XVI- Bàn ăn, bàn salon	-	120.010.000	120.010.000	-
Nhà làm việc	-	793.853.208	-	793.853.208
Công trình hạng mục khác	-	130.161.738	-	130.161.738
Đường Lơ Nội Đồng	-	400.000.000	-	400.000.000
Tiền thuê đất đang trong giai đoạn đầu tư cây cao su	-	123.155.600	-	123.155.600
	11.544.542.739	10.449.876.430	10.013.616.527	11.980.802.642

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay thêm trong năm	Trả nợ trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng NN&PT Nông Thôn Bến Cát	5.308.000.000	8.734.500.000	8.908.000.000	5.134.500.000
Vay cá nhân	410.000.000	2.800.000.000	1.660.000.000	1.550.000.000
Cộng	5.718.000.000	11.534.500.000	10.568.000.000	6.684.500.000

Ngân hàng NN&PT Nông Thôn Bến Cát

- + Hợp đồng vay : Số 10.0402.0023/HĐTD
- + Hạn mức vay : 6.500.000.000 VND
- + Lãi vay : 16,5%/ năm.
- + Thời hạn vay : 12 tháng từ ngày 17 tháng 12 năm 2010.
- + Mục đích vay : Chăm sóc vườn cao su kinh doanh.



CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ngân hàng NN&PT Nông Thôn Bến Cát

- + *Hợp đồng vay* : Số 2011-CSBD/HĐTD
- + *Hạn mức vay* : 6.500.000.000 VND
- + *Lãi vay* : 17,5%/ năm.
- + *Thời hạn vay* : 12 tháng từ ngày 22 tháng 12 năm 2011.
- + *Mục đích vay* : Chăm sóc vườn cao su kinh doanh.

Vay cá nhân

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phạm Thị Tuyết Nhung	1.300.000.000	-
Vũ Văn Dược	280.000.000	-
Trần Thị Tuyết	150.000.000	150.000.000
Ngô Xuân Phú	-	200.000.000
Vũ Văn Dược	-	60.000.000
Cộng	<u>1.550.000.000</u>	<u>410.000.000</u>

11. Phải trả cho người bán

Công ty TNHH Điện Hiếu Hoàng	103.948.050	-
DNTN Hòa Vinh	267.690.004	-
Trần Tấn Phước Thịnh	-	184.948.000
Phạm Xuân Việt	-	25.954.000
Ông Ngô Xuân Phú	-	18.962.145
Ông Lê Trọng Kết (*)	107.361.354	107.361.354
Ông Trần Như Lánh (*)	61.366.310	61.366.310
Ông Nguyễn Quốc Lộ (*)	43.271.295	43.271.295
Ông Trần Quyết Thắng (*)	10.073.815	10.073.815
Ông Tạ Xuân Tích (*)	35.250.860	35.250.860
Vật liệu xây dựng	473.210.543	328.578.127
Cộng (**)	<u>1.102.172.231</u>	<u>815.765.906</u>

Ghi chú: (*) Số dư công nợ có thời hạn trên 3 năm nhưng đơn vị vẫn chưa thanh toán với số tiền là: 257.323.634 VND.

(**) Số dư công nợ chưa nhận được thư xác nhận: 1.102.172.231 VND

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
I.	Thuế	3.048.341.903	7.282.254.865	9.306.292.307	1.024.304.461
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.048.341.903	5.372.494.105	7.405.677.665	1.015.158.343
3.	Thuế thu nhập cá nhân	-	57.396.888	45.230.842	12.166.046
4.	Thuế nhà đất	-	1.850.363.872	1.853.383.800	(3.019.928)
5.	Các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
	- Thuế môn bài	-	2.000.000	2.000.000	-
II.	Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
	Tổng cộng	3.048.341.903	7.282.254.865	9.306.292.307	1.024.304.461

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

+ Bán mủ cao su : Không chịu thuế

+ Khác : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh V.8)

- **Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất phải trả cho nhà nước theo hợp đồng thuê đất 1009/HĐTĐ ngày 18 tháng 05 năm 2009. Diện tích thuê là 12.103.412,4 m², giá thuê đất trồng cây cao su 151 đồng/m²/năm. Đất sản xuất kinh doanh là 714 đồng/m²/năm. Từ năm 2006 đến năm 2010 Công ty được giảm 50% tiền thuê đất nông nghiệp.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

13. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	15.000.000	30.000.000
Cộng	15.000.000	30.000.000

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả hộ nhận khoán công đoạn	-	280.000.000
Đất thổ cư	159.230.000	159.230.000
Lương công nhân khai thác mủ (vi phạm)	8.045.000	-
Phải trả kho bạc nhà nước	95.876.200	95.876.200
Đối tượng khác	1.948.004	1.948.004
Cộng	247.798.686	519.753.686

15. Vay dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Vay thêm trong năm</u>	<u>Trả nợ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng NN&PTNT Bến Cát	745.000.000	-	-	745.000.000
Vay chương trình 327/CP	1.228.500.000	-	-	1.228.500.000
Cộng	1.973.500.000	-	-	1.973.500.000

Ngân hàng NN&PT Nông Thôn Bến Cát

- *Hợp đồng vay* : Số 10.1402.0002/HĐTD
- + *Mức cho vay* : 1.000.000.000 VND
- + *Lãi vay* : Tùy thời điểm nhận nợ
- + *Thời hạn vay* : 46 tháng từ ngày 11 tháng 02 năm 2010.
- + *Mục đích vay* : Chăm sóc vườn cao su KTCB 182 Ha.
- + *Tài sản bảo đảm* : Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 57/HĐTC/09 ngày 08/09/2009

16. Vốn đầu tư chủ sở hữu

Chỉ tiêu	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
1. Nguồn vốn kinh doanh	18.760.117.340	11.093.363.415	-	29.853.480.755
2. Các quỹ	6.289.726.902	8.489.014.728	-	14.778.741.630
Quỹ đầu tư phát triển	4.408.114.587	6.439.129.588	-	10.847.244.175
Quỹ dự phòng tài chính	1.881.612.315	2.049.885.140	-	3.931.497.455
3. Lợi nhuận chưa phân phối	-	25.082.578.399	25.082.578.399	-
Tổng cộng	25.049.844.242	44.664.956.542	25.082.578.399	44.632.222.384

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

17. Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	-
Lợi nhuận chưa phân phối phát sinh trong kỳ	25.082.578.399
Điều chỉnh giảm lợi nhuận	4.153.286
Lợi nhuận còn lại phân phối trong kỳ	25.078.425.113
Chia lợi nhuận cho hộ nhận khoán	4.579.573.709
Lợi nhuận còn lại để phân phối (Theo TT -138)	20.498.851.404
- Trích Quỹ dự phòng tài chính	2.049.885.140
- Số lợi nhuận còn lại phân phối các quỹ	18.448.966.264
+ Bổ sung vốn nhà nước	11.093.363.415
+ Quỹ đầu tư phát triển	6.358.237.377
+ Quỹ thưởng BQL điều hành	200.000.000
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	797.365.472
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang kỳ sau	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán mủ Cao su	56.899.027.327	26.481.314.666
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>56.899.027.327</u>	<u>26.481.314.666</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng	<u>18.836.877.530</u>	<u>8.705.154.813</u>
Cộng	<u>18.836.877.530</u>	<u>8.705.154.813</u>

3. Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi	<u>21.995.214</u>	<u>4.122.000</u>
Cộng	<u>21.995.214</u>	<u>4.122.000</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	<u>1.422.279.268</u>	<u>918.289.686</u>
Cộng	<u>1.422.279.268</u>	<u>918.289.686</u>

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Chi phí quản lý

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.701.159.371	1.313.096.967
Chi phí vật liệu	455.333.500	100.558.700
Chi phí đồ dùng văn phòng	284.074.218	113.953.774
Chi phí khấu hao	1.167.465.379	597.023.303
Thuế, phí, lệ phí	53.722.653	9.221.446
Chi phí dự phòng	512.626.384	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	683.005.938	38.592.908
Chi phí bằng tiền khác	1.761.888.436	522.396.599
Cộng	<u>7.599.282.184</u>	<u>2.694.861.697</u>

6. Thu nhập khác

Thu nhập từ hộ nhận khoán (tiền bảo vệ và chi phí quản lý)	1.081.444.715	-
Thu nhập khác	1.000.000	1.500.000
Cộng	<u>1.867.544.715</u>	<u>1.500.000</u>

7. Chi phí khác

Thanh lý TSCĐ	202.582.154	-
Cộng	<u>202.582.154</u>	<u>-</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm trên Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lấy theo số Báo cáo tài chính do Công ty lập chưa được kiểm toán.

Tỉnh Bình Dương, ngày 16 tháng 04 năm 2012



(Handwritten signature)

 CHỨC VỤ: _____
 HỌ TÊN: _____